

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lưu Thị Hồng Thơm

Ông Nguyễn Khắc Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 08-3-2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-DS ngày 24-6-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Tr, nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 25-01-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc Hải, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 21-02-1997. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung; anh Tr thường xuyên nghi ngờ chị có quan hệ với người khác, có nhiều lời lẽ xúc phạm và đã nhiều lần đánh đập, gây thương tích cho chị. Thời gian gần đây, mâu thuẫn giữa chị và anh Tr ngày càng trầm trọng hơn, mặc dù sống cùng nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, việc ai người ấy làm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị và anh Tr có 02 con chung là cháu Trần Thanh T, sinh ngày 03-3-1998 và cháu Trần Đình T1, sinh ngày 11-11-2005. Cháu T đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị nhận nuôi cháu T1 và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn trình bày ý kiến ghi ngày 26-3-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh khai thống nhất với chị L về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Anh thừa nhận, anh và chị L chung sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; cụ thể: Trong cuộc sống giữa anh và chị L có xảy ra một số bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn trong cách trao đổi, nói chuyện nên thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã. Anh đã cố gắng trao đổi với chị L để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng; bố mẹ anh cũng đã tác động cho anh chị để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Tuy nhiên, theo anh nhận thấy những mâu thuẫn giữa anh và chị L chưa đến mức độ trầm trọng, anh chị có thể khắc phục được tình trạng hôn nhân nên đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh quay về đoàn tụ. Tại buổi hòa giải ngày 09-4-2019, anh Tr có ý kiến đồng ý ly hôn với chị L trong trường hợp chị L cương quyết xin ly hôn, tuy nhiên, sau khi thông qua nội dung biên bản anh Tr đã tự ý bỏ về.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung như chị L đã trình bày. Cháu T đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29-3-2019, anh Tr nhận nuôi cháu T1 và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 09-4-2019, anh Tr thống nhất sẽ tôn trọng ý kiến của cháu, cháu muốn ở với ai thì giao cho người đó.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Tr, có nơi cư trú tại: Tổ dân phố C, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Về quan hệ hôn nhân:

[2] Chị Lê Thị L và anh Trần Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Hải, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 21-02-1997. Theo quy định tại Điều 5 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập, được xác định: Chị L và anh Tr sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do phong cách sống của anh chị không còn phù hợp, anh Tr nghi ngờ chị L có quan hệ với người khác dẫn đến tình cảm vợ chồng thường xuyên xúc phạm, đánh cãi chửi nhau. Gia đình, bạn bè của anh chị đã nhiều lần hòa giải và tìm cách khắc phục tình trạng hôn nhân cho anh chị nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, chị L kiên quyết đề nghị được ly hôn với anh Tr, còn anh Tr mong muốn Tòa án tiếp tục hòa giải cho vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng không có biện pháp cụ thể để khắc phục tình trạng hôn nhân.

[4] Xét thấy, hôn nhân của chị L và anh Tr nhiều năm trở lại đây đã không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị L và anh Tr có 02 con chung là cháu Trần Thanh T, sinh ngày 03-3-1998 và cháu Trần Đình T1, sinh ngày 11-11-2005. Cháu T đã thành niên nên chị L và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L và anh Tr đều nhận nuôi cháu T1; tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 09-4-2019 và tại phiên tòa, anh Tr có quan điểm là tôn trọng ý kiến của cháu T1, cháu muốn ở với ai thì giao cho người đó. Bản trình bày ghi ngày 17-4-2019, cháu T1 có nguyện vọng là được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu T1 cũng như việc sinh hoạt, học tập, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu được thuận lợi, cần giao cháu T1 cho chị L nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị L và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Tr có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Trần Tr.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Đình T1, sinh ngày 11-11-2005 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét hoặc đến khi chị L và anh Tr có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006947 ngày 08-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Tr có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Các đương sự;
- UBND phường Ngọc Hải, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Năm